TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **50**/2019/HNGĐ - ST Ngày: 26-8-2019 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thanh Phương.
2. Ông Đoàn Văn Trúng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Hoàng V, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1987.
Địa chỉ thường trú: Thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
Địa chỉ tạm trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
(Anh V có mặt, chị Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Hoàng V trình bày: Anh và Nguyễn Thị Mộng Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 25/01/2018. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã gây căng thẳng trong gia đình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không

còn, không thể hàn gắn được nên anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng Đ.

Về con chung: Giữa anh và chị Đ không có con chung.

Về tài sản chung: Anh V khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Đ nhưng chị Đ không cung cấp lời khai và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V; Về con chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xét, về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mộng Đ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng Đ có hộ khẩu thường trú tại thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau và có đang đăng ký tạm trú tại ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và hiện chị vẫn đi đi về về tại địa phương ấp 2, xã P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Hoàng V và chị Nguyễn Thị Mộng Đ có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 25/01/2018, việc kết hôn do cả hai tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Anh V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Đ do vợ chồng sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được, anh và chị Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Đ đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Đ không chấp hành mà

không có lý do, thể hiện chị Đ không có thiện chí hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định anh V và chị Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, xử cho anh V được ly hôn với chị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh V và chị Đ không có con chung nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh V khai không có nên không xét.

[7] Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của anh Võ Hoàng V đối với chị Nguyễn Thị Mộng Đ.

Xử cho anh Võ Hoàng V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mộng Đ.

Về nuôi con chung: Không có nên không xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Anh Võ Hoàng V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000680 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh V đã nộp xong án phí.

3. Anh V được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang